

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ngợi

Bà Lê Thị Thu Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Tuyên Quang: Ông Bàn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang; Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bàn Văn M**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày 24/12/1982, tại huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Bàn Hữu T (đã chết) và bà Triệu Thị L, sinh năm 1962; có vợ là bà Bàn Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn L1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Công T1; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bàn Văn C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

+ Ông Triệu Minh T2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 02/3/2025, Bàn Văn M, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang) mang theo 01 con dao tu và mượn 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Husquavarna 365 của em trai là Bàn Văn C (tại thời điểm M lấy máy cưa xăng C không ở nhà), rồi đi đến khu vực rừng Đ, thuộc thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang) để khai thác gỗ, mục đích lấy gỗ làm nhà cho em trai. Đến nơi M dùng dao tu phát dọn xung quanh và dùng máy cưa xăng cắt hạ 01 cây gỗ Phay, M cắt cây gỗ thành nhiều đoạn và xẻ thành tám ván; sau khi xẻ gỗ xong M để lại toàn bộ gỗ tại hiện trường.

Khoảng 07 giờ ngày 03/3/2025, Bàn Văn M đến nhà Triệu Minh T2, sinh năm 1977 (trú cùng thôn) để nhờ T2 đi hộ khai thác gỗ, T2 đồng ý. M tiếp tục mang theo dao, máy cưa xăng cùng T2 đi đến khu vực rừng Đ để khai thác gỗ. M dùng dao tu phát dọn xung quanh rồi cùng T2 sử dụng máy cưa xăng thay nhau cắt hạ 03 cây gỗ Muồng trắng. Sau khi cắt hạ xong 03 cây gỗ, T2 đi tìm măng, rau rừng rồi về trước; còn M tiếp tục dùng máy cưa xăng cắt hạ 02 cây Muồng trắng và 01 cây Sồi. Sau khi cắt hạ gỗ, M để lại toàn bộ gỗ tại hiện trường rồi đi về.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định: Khoảng 07 giờ ngày 28/02/2025, Bàn Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang một mình mang theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Husquavarna 365, 01 con dao tu, 01 cuộn thước dây đi đến khu vực rừng Đ, thuộc thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang cắt hạ 01 cây gỗ Muồng trắng, sau khi cắt đổ cây C sử dụng máy cưa xăng cắt cây gỗ thành từng đoạn và xẻ được 17 tấm ván và 04 tấm bìa bấp (tổng khối lượng 0,440m³), sau đó C vận chuyển về nhà cất giấu, mục đích để làm nhà.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 25/3/2025, xác định: vị trí khai thác rừng trái phép thuộc lô 31, khoảnh 39A (theo bản đồ 03 loại rừng xã B, ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T), trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc khu V, thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Tại hiện trường xác định có 08 cây gỗ bị khai thác trái phép, gồm: 06 cây Muồng trắng, 01 cây Sồi, 01 cây Phay, tổng khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 19,474m³, trong đó:

01 cây gỗ Muồng trắng do Bàn Văn C khai thác có khối lượng là 1,838m³; 03 cây Muồng trắng Bàn Văn M và Triệu Minh T2 cùng khai thác có khối lượng là 9,051m³; 02 cây Muồng trắng, 01 cây Sồi, 01 cây Phay do Bàn Văn M khai thác có khối lượng là 8,585m³; tổng khối lượng gỗ Bàn Văn M khai thác trái phép là 17,636m³.

Tại Công văn số: 107 ngày 15/4/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh T xác định nhóm đối với loài gỗ bị khai thác trái phép: Muồng trắng (nhóm VIII); P, S (nhóm V), đều không nằm trong Danh mục loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, xác định: 17,636m³ gỗ Muồng trắng, P, S (từ nhóm VI đến nhóm VIII) có giá trị là: 48.298.366 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng); 01 cây Muồng Trắng (nhóm V1), khối lượng 2,278m³ do Bàn Văn C khai thác có giá trị 4.951.333 đồng (Bốn triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 01/CT-VKSLB ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã truy tố Bàn Văn Minh để xét xử về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Bàn Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đề nghị HĐXX ấn định thời gian thử thách án treo đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) hiện đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.1054090.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cưa máy xăng, nhãn hiệu Husquavarna 365 có gắn lam và xích; 01 con dao tư có kích thước dài 41cm, chuôi bằng gỗ, bản rộng nhất 5,9cm;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 0,440m³ gỗ tạm giữ của Bàn Văn C.
- Đối với số gỗ 19,474m³ gỗ còn lại tại hiện trường, giao cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang quản lý, xử lý theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày: Toàn bộ số gỗ bị cáo và những người liên quan khai thác trái phép đã được thu giữ, phần để lại hiện trường hiện nay đã giao cho UBND xã quản lý, xử lý, do vậy UBND xã không yêu cầu bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bồi thường, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, cam đoan không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Trong hai ngày 02/3/2025 và 03/3/2025, tại lô 31, khoảnh 39A, trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc khu vực rừng Đ, thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang), Bàn Văn M đã có hành vi khai thác trái phép 05 cây Muồng Trắng, 01 cây Sồi, 01 cây Phay (đều là loài thực vật thông thường, từ nhóm VI-VIII). Tổng khối lượng lâm sản bị khai thác trái phép là 17,636m³, có giá trị 48.298.366 đồng (*Bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Quá trình điều tra xác định: Nguồn gốc diện tích đất rừng tại lô C, khoảnh 39A, trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc khu vực

rừng Đ, thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang) thuộc quyền quản lý của UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Bàn Văn M không phải là chủ rừng, không được các cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Điều 58 Luật Lâm nghiệp và các hướng dẫn tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP¹⁵ tháng 7 năm 2020 của Chính phủ nhưng đã có hành vi khai thác trái phép 07 cây gỗ có khối lượng là 17,636m³, có giá trị 48.298.366 đồng (*Bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trực tiếp môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh thái khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên lâm sản, gây mất ổn định an ninh chính trị địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ tham gia dân công hoả tuyến, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; đại diện Ủy ban nhân dân xã B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Bàn Văn M là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chủ yếu dựa vào đi phụ xây, ngoài ra bị cáo không có tài sản riêng nào khác có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự xác định số lâm sản bị cáo gây thiệt hại đã được thu giữ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét. Do nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên cần tuyên trả lại cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) hiện đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.1054090.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực V2 - Phòng Nghiệp vụ 2.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 chiếc cưa máy xăng, nhãn hiệu Husquavarna 365 có gắn lam và xích, bị cáo và anh Bàn Văn C đều khai là tài sản mượn của anh Bàn Văn C, quá trình điều tra chứng minh Bàn Văn C không biết việc bị cáo mượn cưa để khai thác trái phép gỗ rừng, không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội, tại phiên tòa anh C đề nghị không nhận lại tài sản do đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 con dao tu có kích thước dài 41cm, chuôi bằng gỗ, bản rộng nhất 5,9cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số gỗ 0,440m³ gỗ tạm giữ của Bàn Văn C, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số gỗ 19,474m³ còn lại tại hiện trường, đã tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý cần giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý, xử lý theo quy định.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Bàn Văn C có hành vi khai thác trái phép 01 cây Muồng Tráng, khối lượng 2,278m³, có giá trị 4.951.333 đồng; Triệu Minh T2 có hành vi giúp sức cho Bàn Văn M khai thác trái phép 03 cây Muồng Tráng, khối lượng 9,051m³, có giá trị 23.684.800 đồng; qua điều tra, Bàn Văn C và Triệu Minh T2 không có tiền án, tiền sự, khối lượng gỗ khai thác trái phép chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 25/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển hồ sơ, tài liệu, tang vật đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T để xử phạt hành chính theo thẩm quyền.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt bị cáo Bàn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/7/2025.

Giao bị cáo Bàn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) hiện đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.1054090.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2 (theo ủy nhiệm chi ngày 29/7/2025).

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cửa máy xăng, nhãn hiệu Husquavarna 365 có gắn lam và xích; 01 con dao tu có kích thước dài 41cm, chuôi bằng gỗ, bản rộng nhất 5,9cm;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 24/7/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Tuyên Quang).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 0,440m³ gỗ tạm giữ của Bàn Văn C.

- Giao cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang quản lý, xử lý theo quy định 19,474m³ gỗ còn lại tại hiện trường.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận ngày 16/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn M.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- CQCSĐT, CQTHAHS, Phòng HSNV Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Ngọc Trung